

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần () N. (Tên viết tắt: N1).

Địa chỉ trụ sở: Số B - B C, phường B (phường D, quận C cũ), TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Phương N – Giám đốc Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà A, đường H, phường V, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Anh Chu Văn B, sinh năm 1994;

Căn cước công dân số: 025094005759.

Nơi cư trú: Khu I, xã D (xã H, huyện P cũ), tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Chu Văn M, sinh năm 1968 (là bố đẻ của anh B);

Căn cước công dân số: 025068015056.

+ Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1971 (là mẹ đẻ của anh B);

Căn cước công dân số: 025171014092.

Cùng nơi cư trú: Khu I, xã D (xã H, huyện P cũ), tỉnh Phú Thọ.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về số nợ:** Anh Chu Văn B còn nợ Ngân hàng TMCP N2 tổng số tiền (tạm tính đến ngày 07/01/2026) là: 1.705.527.410.đ (Một tỷ bảy trăm linh năm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mười đồng). Trong đó gồm:

Nợ gốc: 1.360.603.321 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 187.593.436 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 142.658.424 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 14.672.229 đồng.

Theo các hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng TMCP N2 và anh Chu Văn B đã ký kết là: Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0150/2023/808-TD-CV ngày 02/11/2023 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 0149/2023/808-TD-CV ngày 02/11/2023; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn số 0800/2023/808-CV ngày 06/11/2023.

- **Về nghĩa vụ trả nợ:** Anh Chu Văn B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N2 toàn bộ số tiền nợ (tạm tính đến ngày 07/01/2026) là: 1.705.527.410.đ (Một tỷ bảy trăm linh năm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mười đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hoà giải thành cho đến khi thi hành án xong, anh Chu Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong các “Hợp đồng tín dụng”. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất mà anh Chu Văn B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng được xác định theo thoả thuận của các bên.

Kể từ ngày Toà án ra quyết định công nhận thoả thuận của các đương sự, nếu anh Chu Văn B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cho kê biên bán đấu giá toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0072/2023/808-TD-BĐ ngày 02/11/2023, đã được Toà án xem xét thẩm định, để thu hồi nợ là quyền sử dụng thửa đất số 1442, tờ bản đồ số 11, diện tích: 284m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: Khu I, xã D (xã H, huyện P cũ), tỉnh Phú Thọ và tài sản gắn liền với thửa đất gồm: 01 nhà cấp bốn, xây gạch xi, mái lợp phô xi măng và toàn bộ tài sản khác gắn liền với thửa đất, đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 427918 ngày 10/11/2020 đứng tên ông Chu Văn M và bà Lê Thị Hồng T. Toàn bộ tài sản nêu trên đều đang do anh Chu Văn B, ông Chu Văn M và bà Lê Thị Hồng T quản lý, sử dụng.

Trường hợp tài sản thế chấp được bán đấu giá không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Chu Văn B phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP N2 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- **Về chi phí tố tụng:** Anh Chu Văn B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền 10.000.000.đ (Mười triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- **Về án phí:** Anh Chu Văn B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.582.911.đ (Ba mươi một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm mười một đồng). Ngân hàng TMCP N2 được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.747.000.đ (Ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số 0005151 ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tạ Hồng Tuấn**